

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2269/CST-GTGT
V/v chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ tiêu
dùng ngoài Việt Nam

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Pinhole Hà Nội.

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (Bộ Tài chính) nhận được công văn số 20260629/PinholeHN ngày 29/6/2026 của Công ty TNHH Pinhole Hà Nội về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với dịch vụ tiêu dùng ngoài Việt Nam. Về vấn đề này, Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí có ý kiến như sau:

1. Đối với giai đoạn trước ngày 01/7/2025

Tại khoản 3 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13) quy định:

“1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;

b) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;

c) Dịch vụ cấp tín dụng;

d) Chuyển nhượng vốn;

đ) Dịch vụ tài chính phái sinh;

e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông;

g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại Khoản 23 Điều 5 của Luật này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.”

Tại điểm b, d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định:

“Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 1 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm d Khoản này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

...

d) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại các Điểm a, b Khoản này được áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 9 Nghị định này và một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ được áp dụng mức thuế suất 0% theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.”

Tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định:

“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% ngoài các điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này còn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu hoặc ủy thác gia công hàng hóa xuất khẩu, hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không dùng tiền mặt và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật; đối với hàng hóa xuất khẩu phải có tờ khai hải quan.”

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về thuế suất 0% như sau:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

...

Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam.

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;”

Căn cứ quy định nêu trên, để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ xuất khẩu, doanh nghiệp phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam và phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ đáp ứng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

2. Đối với giai đoạn từ ngày 01/7/2025

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với: “b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;”

Tại điểm d khoản 3 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với:

“d) Sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng xác định theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin. Cơ sở kinh doanh cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, như: thông tin về tình trạng cư trú của bên nước ngoài (tổ chức, cá nhân) ở nước ngoài (thông tin địa chỉ thanh toán, địa chỉ giao hàng, địa chỉ trụ sở, địa chỉ nhà hoặc các thông tin tương tự mà tổ chức, cá nhân mua hàng khai báo với cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ ở Việt Nam); thông tin về

truy cập của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, như thông tin về mã vùng điện thoại quốc gia của thẻ SIM, địa chỉ IP, vị trí đường dây điện thoại cố định hoặc các thông tin tương tự của tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ.”

Tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định quy định điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm:

“a) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ xuất khẩu.”

Tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính về quy định hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT như sau:

“1. Người nộp thuế căn cứ hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng để xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

2. Khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác, khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định nêu trên, để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ xuất khẩu, doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 17 (bao gồm (i) thông tin về tình trạng cư trú của bên nước ngoài (tổ chức, cá nhân) ở nước ngoài và (ii) thông tin về truy cập của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài) và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

Đề nghị Công ty TNHH Pinhole Hà Nội liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp dựa trên hồ sơ và thực tế triển khai để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí trả lời đề Công ty TNHH Pinhole Hà Nội Việt Nam được biết và nghiên cứu để thực hiện theo đúng quy định./. *HVZ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Cục trưởng Lưu Đức Huy (để báo cáo);
- CT, Vụ PC;
- Lưu: VT, GTGT (*Đb*). *HVZ*

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG,
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**



Trần Thị Tuyết
Trần Thị Tuyết